

QUAN HỆ QUỐC TẾ**QUAN HỆ VIỆT - MỸ: CÁC KHÍA CẠNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ VÀ QUÂN SỰ SAU HƠN 10 NĂM BÌNH THƯỜNG HÓA**

TS. Lê Khương Thùy
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Năm 2005 là dấu mốc quan trọng tròn 30 năm sau chiến tranh Việt Nam và kỷ niệm 10 năm bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ. Có lẽ đó là thời gian khá dài sau chiến tranh để đi đến quan hệ bình thường hóa giữa hai nước, song lại là một thời gian không dài để chúng kiến những bước tiến dài quan trọng và các kết quả đáng kể trong việc phát triển và mở rộng một cách toàn diện quan hệ hợp tác của hai nước Việt Nam - Hoa Kỳ.

1. Quan hệ chính trị

Kể từ khi bình thường hóa quan hệ vào ngày 11/7/1995, chính phủ và nhân dân hai nước Việt Nam - Hoa Kỳ đã có những nỗ lực to lớn, cùng nhau vượt qua những di sản nặng nề của cuộc chiến tranh, khắc phục những khác biệt và xây dựng lòng tin để tạo ra những bước tiến dài và vững chắc trong quan hệ hai nước.

Từ sự hợp tác ban đầu còn nhỏ lẻ, bó hẹp trong vấn đề nhân đạo, quan hệ hai nước đã mở rộng sang các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo dục, y tế, khoa học - công nghệ..., và cả những lĩnh vực chưa từng có trong lịch sử quan hệ hai nước như quan hệ quốc

phòng, chống khủng bố, ma túy, tội phạm xuyên quốc gia...

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, quan hệ hai nước có sự phát triển mới trên nhiều lĩnh vực và đang ở vào giai đoạn tốt nhất từ trước tới nay. Phía Hoa Kỳ đánh giá quan hệ Việt - Mỹ là tốt nhất trong vòng 30 năm qua, mối quan hệ này phát triển toàn diện cả về chính trị - ngoại giao - kinh tế.¹ Có thể nói, chuyến thăm của Tổng thống Mỹ B. Clinton tới Việt Nam vào tháng 11/2000, đã trở thành cái mốc quan trọng đánh dấu quan hệ chính trị Việt - Mỹ đã bình thường hoá. Là người thúc đẩy quan trọng trong việc bình thường hoá quan hệ Việt - Mỹ, Tổng thống Clinton đã nỗ lực góp phần đưa mối quan hệ này đi vào thực chất với tuyên bố "Việt Nam là một quốc gia, không phải là một cuộc chiến tranh". Việc cải thiện quan hệ Việt - Mỹ bắt đầu từ thời kỳ này đã có những bước tiến về chất. Trong quan hệ chính trị, hai bên đã tiến hành trao đổi đoàn ở nhiều cấp, ngành. Hai bên đã thiết lập được các kênh đối thoại mang tính xây dựng và thẳng thắn giữa các cấp, các ngành, các tổ chức nhân dân, tổ chức xã hội... trong đó có nhiều đoàn quan chức cấp cao của chính quyền,

quốc hội, kinh tế, thương mại... của hai nước đã thăm viếng lẫn nhau, như đoàn Bộ trưởng Quốc phòng Cohen, Cố vấn An ninh Quốc gia, các Bộ trưởng Ngoại giao... Về phía Việt Nam, có các Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao, Bộ trưởng Quốc phòng... cũng đã sang thăm Hoa Kỳ. Ngoài ra, Lãnh đạo cấp cao hai nước cũng có các tiếp xúc thường xuyên tại một số diễn đàn quốc tế và khu vực. Đến nay, Lãnh đạo hai nước đã nhất trí cùng xây dựng quan hệ ổn định, lâu dài giữa hai nước. Trong nỗ lực nhằm thúc đẩy quan hệ chính trị và tăng cường sự tin cậy giữa hai chính phủ, từ ngày 29/7/1999, cuộc trao đổi chính trị lần đầu tiên giữa hai Bộ Ngoại giao diễn ra ở Hà Nội. Đến năm 2004, đã diễn ra 4 vòng đối thoại chính trị. Đặc biệt, chuyến thăm chính thức Hoa Kỳ vào tháng 6/2005 của Thủ tướng Việt Nam Phan Văn Khải đã tạo bước ngoặt lịch sử trong quan hệ hai nước. Đây là chuyến thăm Hoa Kỳ đầu tiên của người đứng đầu Chính phủ Việt Nam đúng vào dịp hai nước đang kỷ niệm 10 năm bình thường hóa quan hệ, một mốc quan trọng trong quan hệ giữa hai nước. Đây là cuộc tiếp xúc chưa từng có về diện rộng và chiều sâu với số lượng lớn các thành viên lãnh đạo cấp cao của Hoa Kỳ, kể cả với Tổng thống và Lương viện Quốc hội, giới doanh nghiệp, giới truyền thông, các nhà khoa học và các tầng lớp xã hội, với mục đích chủ yếu là tìm phương hướng, biện pháp để đưa quan hệ Việt - Mỹ lên tầm cao mới.² Trong phát biểu của mình, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Dy Niên đã đánh giá cao những tiến triển tích cực của quan hệ hai nước trong một thập kỷ qua, đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng lịch

sử của chuyến thăm chính thức Hoa Kỳ lần đầu tiên của Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải. Chuyến thăm này đã đưa quan hệ Việt Nam và Hoa Kỳ lên tầm cao mới thông qua việc phát triển mối quan hệ đối tác xây dựng, hữu nghị, hợp tác nhiều mặt trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và hai bên cùng có lợi.

Hợp tác giữa hai nước trong việc giải quyết các vấn đề nhân đạo do chiến tranh để lại ngày càng được tăng cường, bắt đầu với sự hợp tác đầy thiện chí và ngày càng có hiệu quả của Việt Nam với Hoa Kỳ trong việc tìm kiếm quân nhân mất tích trong chiến tranh mà Hoa Kỳ coi như "mẫu mực". Phía Hoa Kỳ cũng đã có các biện pháp bước đầu đáp ứng nhu cầu nhân đạo của Việt Nam trong việc khắc phục hậu quả chiến tranh.

Xuất phát từ chính sách nhân đạo truyền thống, Việt Nam luôn coi việc tìm kiếm người Mỹ mất tích trong chiến tranh là vấn đề nhân đạo, và hợp tác với phía Hoa Kỳ để giải quyết tốt vấn đề này. Phía Hoa Kỳ đã nhiều lần ghi nhận và đánh giá cao sự hợp tác có hiệu quả của Chính phủ và nhân dân Việt Nam trong vấn đề này. Tổng thống Bush đánh giá cao việc Việt Nam đã và đang hợp tác trong những nỗ lực nhân đạo chung của hai nước nhằm tìm kiếm, ở mức cao nhất có thể, hài cốt lính Hoa Kỳ mất tích trong chiến tranh Việt Nam, đặc biệt là việc nhận dạng và hồi hương hài cốt của hơn 520 lính Hoa Kỳ thông qua các hoạt động tìm kiếm hỗn hợp.³ Cho tới nay, Việt Nam và Hoa Kỳ đã tiến hành 82 đợt hoạt động hỗn hợp. Kể từ năm 1973 đến nay Việt Nam đã 95 lần trao trả cho phía Hoa Kỳ các hài cốt liên quan đến 829 trường hợp quân nhân Mỹ chết trong chiến tranh. Ngày 13/8/2005, tại Sân bay

Đà Nẵng đã diễn ra đợt trao trả lần thứ 96, với 5 bộ hài cốt và di vật liên quan đến quân nhân Mỹ mất tích trong chiến tranh.⁴

Bên cạnh các bước phát triển tích cực, giữa hai nước vẫn tồn tại những bất đồng về vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo... Chính phủ Việt Nam đã ra tuyên bố phản đối quyết định của Hoa Kỳ tiếp tục đưa Việt Nam vào danh sách "các nước đặc biệt quan tâm" về tự do tôn giáo. Đây là một quyết định sai trái, không phản ánh đúng tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam, và khẳng định rằng các tôn giáo ở Việt Nam được Nhà nước quan tâm và tạo điều kiện phát triển. Mọi sinh hoạt tôn giáo của tín đồ, chức sắc thuộc các hệ phái được thực hiện bình thường. Báo cáo tự do tôn giáo năm 2005 của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ cũng phải thừa nhận những phát triển tích cực ở Việt Nam. Thực tế này cũng là điều dễ hiểu trong quan hệ giữa hai quốc gia có sự khác biệt về lịch sử, văn hóa, chế độ chính trị, trình độ phát triển như Việt Nam và Hoa Kỳ. Tuy nhiên, với việc lấy lợi ích của nhân dân hai nước làm trọng, Chính phủ hai nước sẽ không để các khác biệt đó cản trở quan hệ hai nước và cùng nỗ lực giải quyết thông qua đối thoại và thương lượng.

Với nhận thức chung "khép lại quá khứ, hướng tới tương lai", hai nước cũng đã từng bước thiết lập các kênh đối thoại mang tính xây dựng và thẳng thắn về các vấn đề chính trị, khu vực cũng như các vấn đề nhạy cảm. Đặc biệt, sự hình thành Nhóm nghị sĩ hữu nghị với Mỹ của Việt Nam và Nhóm nghị sĩ Mỹ vì quan hệ Mỹ - Việt đã tạo bước chuyển mới trong việc vận động Quốc hội Mỹ về các vấn đề liên quan quan hệ song phương. Trong hàng loạt cuộc đối thoại tiếp

xúc, hai bên đã tìm được phương hướng phát triển quan hệ hai nước trong thế kỷ mới, đó là việc vận dụng các biện pháp tích cực, tăng cường sự hiểu biết toàn diện, thúc đẩy quan hệ hai nước phát triển toàn diện.

Về quan hệ Việt - Mỹ, Bộ trưởng Nguyễn Dy Niên nhấn mạnh Việt Nam luôn coi trọng quan hệ với Mỹ, mong muốn phát triển quan hệ hai nước trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi và không can thiệp công việc nội bộ của nhau. Trên cơ sở đó, Việt Nam sẵn sàng cùng Mỹ xây dựng một khuôn khổ quan hệ ổn định, lâu dài vì lợi ích to lớn của nhân dân hai nước và vì hòa bình, ổn định và phát triển ở Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình dương.⁵

Trong Tuyên bố chung của hai nước nhân chuyến thăm Mỹ của Thủ tướng Phan Văn Khải, Tổng thống Mỹ G. W. Bush đã tuyên bố sự ủng hộ của Chính phủ Hoa Kỳ đối với an ninh và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Tổng thống và Thủ tướng chia sẻ mục tiêu về một khu vực Đông Nam Á, và châu Á - Thái Bình dương hoà bình, phồn vinh và an ninh, và thoả thuận hợp tác trên cơ sở song phương và đa phương nhằm thúc đẩy các mục tiêu này. Tổng thống nhấn mạnh, Chính phủ Hoa Kỳ ủng hộ hoà bình, ổn định và hợp tác ở khu vực Đông Nam Á và Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) mà Việt Nam là một thành viên tích cực. Và hai nhà lãnh đạo đã khẳng định vai trò trung tâm của Diễn đàn Hợp tác châu Á - Thái Bình Dương (APEC) trong việc ủng hộ quá trình tự do hoá thương mại và đầu tư và trong việc thúc đẩy các nỗ lực hợp tác nhằm củng cố an ninh khu vực. Tổng thống Bush chúc mừng việc Việt Nam quyết định đăng cai Hội nghị

Cấp cao APEC 2006 và cam kết hợp tác chặt chẽ với Việt Nam và các nền kinh tế thành viên để Hội nghị Cấp cao APEC 2006 thành công rực rỡ. Thủ tướng Phan Văn Khải hoan nghênh sự ủng hộ của Tổng thống Bush và mời Tổng thống thăm chính thức Việt Nam nhân dịp tham dự Hội nghị Cấp cao APEC 2006.⁶

2. Quan hệ kinh tế

Đây là điểm sáng trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ. Trong đó, việc ký kết Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA) được ký ngày 13/7/2000 và có hiệu lực từ ngày 10/12/2001 đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại và đầu tư giữa hai nước. Đó là bước đột phá quan trọng mở ra cơ hội to lớn cho các nhà doanh nghiệp hai nước. Hiệp định này liên quan rộng rãi đến các lĩnh vực mậu dịch, dịch vụ lao động, đầu tư, quyền sở hữu trí tuệ, sẽ thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ kinh tế hai nước phát triển. Hơn thế nữa, việc ký kết Hiệp định thương mại song phương Mỹ - Việt làm cho địa vị buôn bán của Việt Nam trên thị trường Mỹ ngang bằng với các nước láng giềng của Việt Nam, và là cơ sở để Việt Nam ký kết hiệp định thương mại với các nước khác, cũng như thúc đẩy tiến trình gia nhập WTO của Việt Nam vào năm 2006.

Về thương mại: Trong những năm đầu, mậu dịch song phương tiến triển tương đối chậm. Theo số liệu của Hải quan Mỹ, năm 1993 Việt Nam chưa hề xuất khẩu sang Mỹ bất kỳ một sản phẩm nào và cũng chỉ nhập khẩu từ Mỹ khoảng 7 triệu USD. Sau khi Tổng thống Bill Clinton quyết định chấm dứt cấm vận buôn bán với Việt Nam ngày 3/2/1994, hàng hóa của Việt Nam bắt đầu tiếp cận thị trường

Mỹ và ngay trong năm đầu tiên này, giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ đã đạt 50,5 triệu USD.⁷ Việc ký kết "Hiệp định thương mại Việt - Mỹ" đã giúp cho tình hình được cải thiện. Buôn bán giữa hai nước đã có những bước nhảy vọt, đặc biệt là xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Hoa Kỳ. Nếu năm 1995 khi quan hệ hai nước mới được bình thường hóa, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam mới đạt 130 triệu USD thì đến năm 2000, năm Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ được ký kết, đã tăng lên 733 triệu USD. Sau khi BTA có hiệu lực, xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Mỹ đã tăng mạnh. Trong 3 năm thực hiện BTA, trao đổi thương mại giữa hai nước đã tăng mạnh từ 1,4 tỷ USD năm 2001 lên 5,85 tỷ năm 2003 và 6,4 tỷ USD năm 2004, tăng bốn lần so với năm 2001, đem lại lợi ích cho các nhà sản xuất và xuất khẩu của cả hai nước.⁸ Hiện nay, Hoa Kỳ trở thành thị trường lớn nhất cho hàng xuất khẩu của Việt Nam. Việt Nam trở thành bạn hàng thương mại lớn thứ 40 của Hoa Kỳ (tính riêng xuất khẩu, Việt Nam là nước xuất khẩu thứ 35 vào Hoa Kỳ).⁹ Chủng loại hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ chủ yếu là hàng may mặc, giày dép, các sản phẩm sơ chế như hải sản, rau, quả, cà phê, cao su thô, dầu khí, các sản phẩm chế tạo thép, thiết bị điện, hàng gia dụng, hàng phục vụ du lịch... Còn Hoa Kỳ xuất khẩu sang Việt Nam chủ yếu là các sản phẩm sơ chế như thực phẩm, sợi dệt..., các sản phẩm chế tạo như phân bón, nhựa và các sản phẩm giấy, máy móc, thiết bị vận tải, thiết bị khoa học... Mặc dù xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ tăng tới 5 lần kể từ sau khi có BTA, song con số này cũng chỉ mới chiếm khoảng 0,4% tổng giá trị nhập khẩu

của Mỹ.¹⁰ Theo ước tính của Thương vụ Việt Nam tại Mỹ, năm 2005 Việt Nam có thể xuất khẩu sang Mỹ từ 5,7 đến 6 tỷ USD. Dệt may vẫn là nhóm hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ, với khoảng 2,74 tỷ USD/năm. Sản phẩm dệt may của Việt Nam đang ngày càng thu hút được sự chú ý của các nhà nhập khẩu Mỹ nhờ chất lượng tốt và bảo đảm được thời hạn giao hàng. Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ (USITC) nhận định Việt Nam là một trong những nước hàng đầu ở châu Á có khả năng cạnh tranh được với Trung Quốc trong lĩnh vực dệt may. Hiệp hội nhập khẩu dệt may Mỹ cũng cho biết Việt Nam là sự lựa chọn thứ hai của họ sau Trung Quốc khi tìm kiếm nguồn cung cấp hàng từ châu Á. Tuy nhiên, trong năm 2005 hàng dệt may Việt Nam đang phải chịu sức ép rất lớn về hạn ngạch, trong khi các đối thủ cạnh tranh khác, đặc biệt là Trung Quốc, đã được phép xuất khẩu không hạn chế vào thị trường Mỹ.

Thuỷ hải sản vẫn chiếm vị trí thứ hai trong danh sách các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam vào Mỹ, cho dù sản lượng tôm đông lạnh xuất khẩu đã giảm hơn 40% trong năm 2004 và tiếp tục giảm trong những tháng đầu năm 2005 do tác động của vụ kiện bán phá giá. Cho dù gặp nhiều khó khăn, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều giữa Việt Nam và Mỹ trong ba tháng đầu năm 2005 vẫn đạt 1,7 tỷ USD, trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ 1,5 tỷ USD, tăng 36,5% so với cùng kỳ năm ngoái.¹¹

Ngoài ra, hai bên cũng đã ký kết nhiều hiệp định, thỏa thuận về kinh tế như Hiệp định Dệt may, Hàng không, nâng cao năng lực cạnh

tranh... và hiện đang tích cực trao đổi tiến tới ký kết một số hiệp định, thỏa thuận khác như Hiệp định khung về hợp tác kinh tế, kỹ thuật, Hiệp định hợp tác vận tải biển, Bản ghi nhớ hợp tác nông nghiệp... Du lịch của Hoa Kỳ vào Việt Nam hàng năm tăng nhanh, sẽ tạo điều kiện tốt hơn cho quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư và du lịch giữa hai nước. Đến tháng 11/2004 đạt 247.221 lượt khách, tăng 27,7% so với cùng kỳ năm 2003 và Hoa Kỳ đã trở thành nước thứ hai (sau Trung Quốc) về số lượng khách du lịch vào Việt Nam. Đường bay thẳng giữa Hoa Kỳ và Việt Nam vừa được nối lại sau 30 năm gián đoạn.¹²

Về đầu tư trực tiếp của Hoa Kỳ vào Việt Nam: Bên cạnh những kết quả tích cực về trao đổi thương mại, hoạt động hợp tác đầu tư giữa hai nước cũng có những bước tiến đáng kể. Một số doanh nghiệp Hoa Kỳ đã đầu tư vào Việt Nam ngay từ những ngày đầu Luật Đầu tư nước ngoài có hiệu lực (01/01/1998), chủ yếu thông qua các công ty của nước thứ ba như dự án CocaCola từ Singapore, dần dần sau đó mới có những dự án đăng ký trực tiếp từ Hoa Kỳ. Hiện nay, tổng vốn đầu tư trực tiếp của các công ty Mỹ vào Việt Nam đạt khoảng 2,6 tỷ USD, trong đó 730 triệu USD được đầu tư trực tiếp từ Mỹ và 1,9 tỷ USD từ các công ty con của Mỹ ở nước ngoài. Ví dụ chỉ riêng công ty dầu lửa Conoco-Phillips đã đầu tư gần 1 tỷ USD và dầu lửa cũng là lĩnh vực đầu tư lớn nhất của các công ty Mỹ vào Việt Nam. Mỹ là nước đầu tư thực tế lớn nhất vào Việt Nam trong năm 2004, với 531 triệu USD, chiếm 19% tổng giá trị đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam. Nhiều công ty Mỹ cũng đang quan tâm tới lĩnh vực chế tạo và dịch vụ ở Việt Nam. Vốn đầu tư của Mỹ đã

giúp tăng cơ hội việc làm, khả năng làm việc và các cơ hội kinh tế cho 1,5 triệu thanh niên Việt Nam tham gia thị trường việc làm mỗi năm.¹³ Có thể nói, đầu tư trực tiếp của Mỹ vào Việt Nam đã tăng lên, nhưng còn ở mức khiêm tốn đứng thứ 11 trong số các nước, vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Một số nguồn vốn khác cũng đã được khai thông như chương trình bảo lãnh tín dụng của Ngân hàng xuất nhập khẩu Mỹ (Eximbank).

Quan hệ thương mại và đầu tư giữa hai nước đã đạt thành tích đáng kể, nhưng mức độ quan hệ như hiện nay vẫn còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng của hai nước. Sở dĩ như vậy phần nhiều là do Việt Nam chưa phải là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), do đó hàng hoá của Việt Nam nhập khẩu vào Mỹ vẫn bị những trở ngại của hàng rào hạn ngạch và bị đối xử không công bằng, thậm chí quá phi lý như trong vụ kiện "bán phá giá" cá basa và sau đó là tôm đông lạnh. Ngày 17/1/2003, Chính quyền Mỹ lại đưa ra đạo luật H.R. 5378 về cấm xuất khẩu tôm đông lạnh của Việt Nam và một số nước khác sang thị trường Mỹ và kèm theo biện pháp trừng phạt đối với các nước vi phạm luật cấm này. Những vấn đề này gây nên sự lo ngại và thách thức đối với các nhà doanh nghiệp Việt Nam trước một hiệp định mà họ trông đợi khá lâu. Rõ ràng, Mỹ đang thực hiện các biện pháp bảo hộ thị trường đối với các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam. Nó cho thấy Mỹ đang đi ngược lại các khẩu hiệu "tự do hóa thương mại", "buôn bán bình đẳng"... mà Mỹ là người đề xướng. Về vấn đề cá basa, Bộ trưởng Thương mại Việt Nam Vũ Khoan đã gửi thư khẩn cho Bộ trưởng Thương mại Mỹ D. Evans và Đại diện thương mại Mỹ

R. Zoellick coi đó là sự vi phạm nghiêm trọng tinh thần Hiệp định, gây thiệt hại cho người nuôi trồng và các doanh nghiệp Việt Nam, tạo rào cản trong trao đổi thương mại.¹⁴ Ngày 25/7/2003, Thời báo "New York Times" đăng bài xã luận nhan đề "Kim hãm thương mại tự do" chỉ trích mạnh mẽ quyết định mang nặng chủ trương bảo hộ của Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ (ITC) trong vụ kiện cá basa Việt Nam đã nêu rõ: "Bất chấp thực tế cạnh tranh công bằng giành thị trường Mỹ, cá basa Việt Nam vẫn bị quy kết là vi phạm thương mại, phải chịu mức thuế cao vĩnh viễn theo phán quyết ngày 23/7 của ITC. Vụ kiện chống cá basa Việt Nam là thủ đoạn gian lận tàn nhẫn mà các nhóm lợi ích chính trị và nghề cá Mỹ dựng lên. Đây là minh chứng kinh hoàng cho thấy nỗ lực đấu tranh của các quốc gia thương mại và các cuộc đàm phán toàn cầu hóa đều không kiểm chế được quyền lực chính trị của các nhà tư bản thị trường tại Mỹ và phương Tây. Họ vẫn phủ bóng đen lên mọi khía cạnh của thương mại tự do." Những điều đó đã gây trở ngại đáng kể cho việc gia tăng quan hệ kinh tế thương mại giữa hai nước.

Nhờ sự thành công của BTA, Mỹ đã tích cực ủng hộ những nỗ lực gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới của Việt Nam. Đối với Việt Nam, tham gia WTO sẽ đánh dấu sang một quá trình tham gia vào toàn cầu hóa, bởi khi đã là thành viên của WTO, Việt Nam mới có thể tiếp cận tất cả các thị trường khác. Theo Hiệp định này, Mỹ dành cho Việt Nam quy chế quan hệ thương mại bình thường (NTR) tạm thời, trước đây là quy chế ưu đãi tối huệ quốc (MFN), nhờ đó sẽ làm giảm đáng kể thuế quan của Mỹ đối với hầu hết hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam

vào Mỹ từ 40% xuống 3%. Tất nhiên, để đạt được điều này, Việt Nam đã phải chấp nhận một loạt biện pháp mở cửa hơn nữa thị trường của mình như: dành cho hàng hóa xuất khẩu của Mỹ vào Việt Nam mức thuế suất ưu đãi tương tự, giảm bớt các rào cản đối với các ngành dịch vụ Mỹ bao gồm dịch vụ ngân hàng và bưu chính viễn thông đang được nhà nước bảo hộ, cam kết thực hiện bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ đã ký với Mỹ năm 1997, cam kết khuyến khích và bảo hộ đầu tư trực tiếp nước ngoài... Đây là những vấn đề hết sức khó khăn đối với Việt Nam, vì nền kinh tế của Việt Nam quá nhỏ bé, trình độ thấp, tính cạnh tranh yếu kém. Đến năm 2005, khả năng cạnh tranh của Việt Nam có khá hơn song vẫn rất thấp đứng thứ 81 trong tổng số 117 nước, tụt xuống 4 bậc so với 2004.¹⁵

Một trong những mục tiêu chủ yếu của chuyến viếng thăm Mỹ của Thủ tướng Phan Văn Khải vừa qua là nhằm tranh thủ sự ủng hộ của Mỹ để đẩy nhanh việc gia nhập WTO của Việt Nam vì Mỹ có vai trò quyết định trong vấn đề này. Trong bài phát biểu về toàn cảnh Việt Nam trong năm 2005-2006, Giáo sư C. Thayer, chuyên gia về Việt Nam thuộc Học viện quốc phòng Australia cho rằng ưu tiên lớn của Việt Nam trong năm 2005 là được kết nạp vào WTO. Thế nhưng để vào được WTO, ngoài việc phải hoàn tất được các vòng thương thuyết đa phương, Việt Nam cần phải đáp ứng được thỏa mãn song phương với nhiều thành viên WTO, trong đó tối quan trọng là Mỹ.¹⁶ Và việc Tổng thống Bush đã bày tỏ sự ủng hộ mạnh mẽ với tiến trình gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) của Việt Nam được coi là một kết quả quan trọng của chuyến đi vì "điều này có lợi

cho cả Mỹ và Việt Nam, trong đó có cộng đồng doanh nghiệp Mỹ".¹⁷

Nhằm thúc đẩy hơn nữa quan hệ kinh tế với Việt Nam, viện trợ kinh tế của Mỹ dành cho Việt Nam cũng tăng nhanh trong thập kỷ qua. Tổng giá trị các chương trình viện trợ do Cơ quan Phát triển Quốc tế Mỹ (USAID) giám sát và thực hiện ở Việt Nam đã tăng từ khoảng 2 triệu USD năm 1996 lên 12,5 triệu USD năm 2003. USAID có kế hoạch viện trợ cho Việt Nam 11 triệu USD trong năm tài khoá 2004 và 13 triệu USD trong năm tài khoá 2005.¹⁸

Theo báo cáo của Cơ quan Nghiên cứu của Quốc hội Mỹ (CRS), tổng viện trợ của Mỹ cho Việt Nam, kể cả các chương trình của USAID trong năm tài khoá 2003 đã lên tới 40 triệu USD. Các chương trình viện trợ lớn của Mỹ cho Việt Nam gồm phòng chống HIV/AIDS, chăm sóc trẻ em, trao đổi giáo dục, trợ giúp lương thực thực phẩm và hỗ trợ cho việc thực hiện BTA.

Các quan hệ khác: Quan hệ kinh tế - thương mại phát triển trong thập kỷ qua đã tạo đà kéo theo quan hệ trên nhiều lĩnh vực khác phát triển. Quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực khác như khoa học - kỹ thuật, giáo dục - đào tạo, y tế, lao động, văn hóa, nhân đạo cũng có những bước tiến tích cực. Kể từ khi Hiệp định về hợp tác khoa học và công nghệ giữa Việt Nam - Hoa Kỳ được ký kết tháng 11/2000, đã có 65 dự án hợp tác trên tám lĩnh vực như công nghệ thông tin, tiêu chuẩn hoá và đo lường, khoa học biển, khí tượng thuỷ văn và môi trường, công nghệ sinh học, nông nghiệp, y tế, vật lý tia vũ trụ... được thực hiện. Hơn 1/3 trong số dự án này thuộc lĩnh vực liên kết đào tạo. Hai bên đã thỏa thuận và ký văn bản về những nguyên tắc hợp tác thực thi

Quỹ giáo dục dành cho Việt Nam. Một đạo luật hỗ trợ giáo dục Việt Nam năm 2000 đã được ban hành. Luật này lập ra quỹ học bổng 5 triệu USD mỗi năm, được tài trợ từ khoản tiền mà Việt Nam trả một phần trong món nợ của Chính quyền Nam trước đây.¹⁹

Ngoài ra, nhiều dự án và chương trình về y tế và chăm sóc sức khỏe đã được nỗ lực xây dựng và có hiệu quả như chương trình phòng chống HIV/AIDS, hợp tác phòng chống dịch bệnh SARS, dự án Giáo dục vệ sinh và dinh dưỡng học đường... Do Việt Nam có khả năng khống chế đại dịch này thực sự, Tổng thống Bush đã nêu Việt Nam là một trong 15 quốc gia, và là quốc gia châu Á duy nhất được ưu tiên nhận viện trợ trong khuôn khổ Kế hoạch cứu trợ AIDS khẩn cấp. Hoa Kỳ tiếp tục cam kết hỗ trợ Việt Nam trong các chương trình phòng chống HIV/AIDS. Nguồn kinh phí hỗ trợ 17 triệu USD trong năm 2004, 25,5 triệu USD năm 2005 và ước tính tương tự trong tương lai hy vọng giúp Việt Nam hạn chế được dịch bệnh lây lan và chăm sóc người có HIV.²⁰

3. Quan hệ quân sự

Nếu như kinh tế thương mại là điểm sáng trong quan hệ Việt - Mỹ thì hợp tác quân sự lại là một lĩnh vực nhạy cảm nhất trong quan hệ này do quan hệ thù địch kéo dài trước đây. Vì vậy, trong mấy năm đầu thiết lập quan hệ ngoại giao, hợp tác quân sự chủ yếu tập trung vào việc giải quyết những vấn đề do chiến tranh để lại. Thứ nhất là tìm kiếm quân nhân hai nước mất tích trong chiến tranh, trong đó phía Mỹ mất tích khoảng 1.900 người; từ tháng 9/1988 đến năm 2004 có khoảng 800 hài cốt đã được đưa về Mỹ. Thứ hai là hợp tác rà phá mìn còn tồn lại sau chiến tranh, Mỹ

cung cấp cho Việt Nam thiết bị rà phá mìn. Tháng 10/1996, phó Trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Kurt Campell đã tới thăm Việt Nam. Trong chuyến thăm này, hai bên thoả thuận sẽ tăng cường trao đổi các cuộc viếng thăm nhằm tạo sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau. Trong các chuyến thăm Việt Nam tháng 3/1998 của Tổng tư lệnh lực lượng Mỹ tại châu Á - Thái Bình dương và chuyến thăm Mỹ tháng 10/1998 của phái đoàn đối ngoại Bộ Quốc phòng Việt Nam do Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Trần Hanh dẫn đầu, cả hai bên chia sẻ quan điểm mong muốn tiến tới phát triển hợp tác quân sự Việt Nam - Mỹ, nhằm duy trì, củng cố hoà bình, ổn định và an ninh trong toàn khu vực. Sự giao lưu quân sự với mức độ thấp này hiển nhiên không theo kịp được với đà phát triển nhanh của quan hệ chính trị, kinh tế. Về việc này lãnh đạo quân đội hai nước đã nhiều lần bày tỏ phải vận dụng biện pháp tích cực, tăng cường thăm viếng lẫn nhau, hợp tác và giao lưu rộng rãi trên các lĩnh vực quân y, bồi dưỡng sĩ quan kỹ thuật, trao đổi thông tin chống khủng bố.

Năm 2000, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ William Cohen đi thăm Việt Nam đánh dấu "sự tan băng" của quan hệ quân sự Việt - Mỹ. Lý do chống khủng bố, Mỹ đã yêu cầu Việt Nam cho phép các máy bay quân sự Mỹ được bay qua không phận của Việt Nam khi có lý do về thời tiết. Ngày 8-12/2/2002, Đô đốc Dennis C. Blair, Tổng tư lệnh Bộ tư lệnh Mỹ đã sang thăm và làm việc ở Việt Nam. D. Blair làm việc với lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao Việt Nam về quan hệ quân sự, hợp tác chống khủng bố và vấn đề MIA. Trong một số cuộc gặp gỡ, ông D. Blair có thảo luận về cảng Cam Ranh, căn cứ mà Nga bỏ lại khi

nó hết hạn sử dụng vào năm 2004. Ông nói rõ mục tiêu của Mỹ là: "Hoa Kỳ rất quan tâm đến những dàn xếp khác nhau ở khu vực này để lực lượng của chúng ta (Mỹ) có thể tới thăm cũng như những địa điểm mà các lực lượng của chúng ta có thể nhận được trợ giúp về nhiều mặt, và đó là những điều quan trọng đối với chúng ta ở khu vực này."²¹ Trên thực tế, không phải chỉ hiện nay, mà ngay từ những năm 90 của thế kỷ XX, Mỹ đã rất quan tâm đến cảng Cam Ranh vì vị trí chiến lược quan trọng của nó. Đây là con đường ngắn nhất đi đến biển Đông. Và bất kỳ nước nào có được cảng này thì đều có cơ hội hết sức thuận lợi để đi vào vùng biển Á rập, Ấn Độ Dương và có thể khống chế các tàu chiến, tàu dầu và các loại tàu cung ứng khác ở khu vực Đông Á.²² Vấn đề Cam Ranh là một phần trong mối quan tâm chung của Mỹ đến vấn đề chiến lược quan trọng Biển Đông. Ngoài ra, ông D. Blair còn bàn về những hoạt động an ninh đa phương ở khu vực, khuyến khích Việt Nam tham gia vào những hoạt động đó như hội thảo, hội nghị mà các chuyên gia gặp gỡ nhau qua các cuộc tập trận. Vì như D. Blair nói: "...tôi thực sự ủng hộ Việt Nam hoạt động tích cực hơn nữa theo hướng này để Việt Nam có thể đóng góp vào các hoạt động theo phương cách tương xứng với tầm vóc và khả năng của họ trong khu vực."²³ Tháng 5/2002, lần đầu tiên Việt Nam cử các quan sát viên quân sự đến thăm quan cuộc tập trận quân sự hàng năm của Mỹ - Thái Lan và Singapore mang tên "Hổ mang vàng".

Tháng 11/2003, lần đầu tiên trong lịch sử quan hệ hai nước, Bộ trưởng Quốc phòng Phạm Văn Trà đã dẫn đầu đoàn đại biểu quân sự cấp cao Việt Nam thăm Hoa Kỳ đánh dấu

quan hệ quân sự Việt - Mỹ đã có bước đột phá mới. Trong thời gian ở thăm Mỹ, Bộ trưởng Phạm Văn Trà đã cùng Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ tiến hành trao đổi sâu sắc về các vấn đề còn tồn tại của lịch sử, góp phần thúc đẩy quan hệ chung và quan hệ quân sự giữa hai nước theo hướng tăng cường hiểu biết lẫn nhau, cùng phấn đấu xây dựng một khuôn khổ quan hệ hữu nghị, hợp tác vì hòa bình, ổn định lâu dài ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi. Hai bên bày tỏ sẽ vận dụng biện pháp tích cực để tăng cường giao lưu và hợp tác quân sự song phương.

Cùng với các chuyến viếng thăm của các nhà lãnh đạo quân sự cao cấp chính phủ Mỹ và Việt Nam, việc hợp tác quân sự còn được thực hiện thông qua mở rộng các kênh cho các cuộc thảo luận về an ninh, các đoàn thăm viếng, tham gia huấn luyện, và công việc an ninh khác giữa hai nước, thúc đẩy và mở rộng có cân nhắc kỹ và phát triển hợp tác quân sự do Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ và Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam mở đầu.

Ngày 19-21/11/2000, tàu hộ tống "Vandergriff" của Mỹ đã đến cảng Sài Gòn tiến hành chuyến thăm Việt Nam 4 ngày. Đây là chiến hạm và binh sĩ Mỹ đầu tiên xuất hiện trên lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam sau khi kết thúc Chiến tranh Việt Nam. Chuyến thăm này được chính phủ Việt Nam cho là "sự kiện rất quan trọng" có ảnh hưởng tích cực đối với quan hệ quân sự và hợp tác quân sự giữa hai nước. Nửa năm sau, tàu khu trục mang tên lửa USS Curtis Wilbur thăm cảng Đà Nẵng - một cảng quan trọng ở miền Trung của Việt Nam. Và gần đây là

tàu USS Gary FFG 51 thăm cảng thành phố Hồ Chí Minh. Những sự kiện quan trọng này đặt cơ sở cho sự giao lưu quân sự song phương trong tương lai.

Ngoài ra, Mỹ và Việt Nam còn cùng hợp tác chống lại việc buôn bán và vận chuyển thuốc phiện qua Việt Nam đã tăng lên nhanh chóng trong những năm gần đây vì Việt Nam ở gần các vùng sản xuất heroin ở Lào và Myanmar, và các vùng đang sản xuất thuốc có tác dụng kích thích ở miền Nam Trung Quốc. Tháng 2/2000, Cơ quan phòng chống thuốc phiện của Mỹ đã mở văn phòng ở Hà Nội và "vua chống ma túy" của Mỹ Barry McCaffrey đã tới thăm nhằm mở rộng các nỗ lực chống ma túy song phương.²⁴ Giữa tháng 9/2005, Mỹ đã tuyên bố đưa Việt Nam ra khỏi danh sách các quốc gia bị Mỹ liệt vào diện chủ chốt trong việc sản xuất và vận chuyển ma túy. Với quyết định này, uy tín của Việt Nam sẽ được cải thiện trên trường quốc tế và đưa ra khỏi danh sách những nước không được hưởng các chương trình viện trợ xã hội, cũng như các khoản vay lãi suất thấp vì các chương trình của LHQ, chương trình viện trợ xã hội hay cho vay của WB và IMF sẽ căn cứ vào báo cáo của Chính phủ Mỹ.²⁵

Hai nước đã và đang tích cực hợp tác trong lĩnh vực chia sẻ thông tin chống khủng bố. Điều này cho thấy quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã bước vào giai đoạn phát triển ngày càng toàn diện, làm cơ sở quan trọng cho hai nước xây dựng quan hệ lâu dài.

Chuyến đi thăm Hoa Kỳ của Thủ tướng Phan Văn Khải năm 2005 cũng đã mở ra sự hợp tác mới trên lĩnh vực an ninh quốc phòng từ chỗ chỉ mới có các trao đổi đoàn chuyên gia, tàu chiến Hoa Kỳ cập bến thăm Việt Nam. Lần

này sẽ có chương trình đào tạo quân sự do Hoa Kỳ tổ chức, Việt Nam sẽ cử một số sĩ quan sang Mỹ học tiếng Anh, quân y và các môn kỹ thuật. Hai nước đã và đang tích cực hợp tác trong lĩnh vực chia sẻ thông tin chống khủng bố. Điều này cho thấy quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã bước vào giai đoạn phát triển ngày càng toàn diện, làm cơ sở quan trọng cho hai nước xây dựng quan hệ lâu dài.

Chuyến thăm Việt Nam từ ngày 7-8/6/2005 của Trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ Peter W. Rodman cho thấy mối quan hệ quân sự giữa hai nước đang được cải thiện thêm một bước. Theo tờ "Nhật báo phố Wall", trong khuôn khổ chuyến thăm, phía Mỹ sẽ đề cập tới ba nội dung hợp tác chính. Đó là: ký kết thỏa thuận tham gia chương trình Giáo dục và Huấn luyện quân sự quốc tế (IMET), mà các nhà lãnh đạo Quốc phòng Mỹ cho là một trong những phương cách hữu hiệu nhất để xây dựng quan hệ với quân đội nước ngoài; tiếp tục tổ chức các chuyến vào thăm Việt Nam của tàu hải quân Mỹ; tăng cường vai trò của Việt Nam trong nỗ lực kiểm soát các tuyến hàng hải.²⁶ Theo đánh giá của phía Mỹ, hoạt động hải tặc ở biển Đông có một tần suất khá cao, trực tiếp ảnh hưởng tới tuyến vận tải hàng hóa quan trọng... Đây cũng là một phần trong cuộc chiến chống khủng bố mà Mỹ đang tích cực hợp tác với Singapore, Nhật Bản và Australia ở khu vực châu Á - Thái Bình dương.

Như vậy, có thể thấy rõ là quan hệ quân sự Việt - Mỹ có những tiến bộ đáng kể trong thập kỷ qua. Nó đã bước đầu vượt qua những trở ngại do sự khác biệt về lợi ích và ảnh hưởng của lịch sử để mở ra hướng hợp tác mang tính toàn diện hơn.

Kết luận

30 năm sau chiến tranh và qua 10 năm bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ, với phương châm gác lại quá khứ, hướng tới tương lai, Chính phủ và nhân dân hai nước Việt Nam - Hoa Kỳ đã chuyển quan hệ hai nước từ chỗ là thù nghịch sang giai đoạn quan hệ bình thường, đạt được những bước tiến lớn không chỉ về chính trị - ngoại giao mà cả về kinh tế - thương mại, khoa học - kỹ thuật, giáo dục - đào tạo, cũng như trong lĩnh vực quân sự. Việc bình thường hoá quan hệ là phù hợp với lợi ích của nhân dân hai nước và là sự đóng góp quan trọng vào củng cố hoà bình và phát triển ở khu vực. Mặc dù còn những yếu tố bất cập, nhưng sự phát triển của quan hệ hai nước trong mười năm qua cho thấy đã đến lúc quan hệ hai nước cần được mở rộng và tăng cường hơn nữa theo hướng ổn định lâu dài vì lợi ích không chỉ của nhân dân hai nước mà còn vì hòa bình, hợp tác và phát triển trong khu vực và trên thế giới. Hơn nữa, xét về mặt lợi ích chiến lược và kinh tế, cả Mỹ và Việt Nam đều có lợi ích đối với sự ổn định và phát triển của Việt Nam. Đây là nhân tố cơ bản để từ đó xây dựng quan hệ hợp tác giữa hai nước theo nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau và bình đẳng cùng có lợi ■

Chú thích:

- (1) Thiết lập khuôn khổ ổn định và toàn diện cho quan hệ Việt - Mỹ 04/18/2005, Thanh Niên, 17/04/2005.
- (2) PTT Vũ Khoan: Chuyến thăm lịch sử đã tạo đà cho quan hệ hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ, Thanh Niên, 27/6/2005.

- (3) Tuyên bố Chung giữa Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ và Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 21/6/2005
- (4) Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Lê Dũng trả lời phóng viên ngày 12-08-2005.
- (5) Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Dy Niên thăm và làm việc tại Mỹ. Nhandan.org.vn, 10/03/2003.
- (7) Kinh tế - Điểm sáng trong quan hệ Việt-Mỹ (25-07-2005).
- (8) (12) Việt Nam-Hoa Kỳ: 10 năm sau bình thường hóa quan hệ (25-07-2005).
- (9) Một số nét về quan hệ kinh tế Việt Nam - Hoa Kỳ 07/15/2004.
- (10) Thủ tướng Phan Văn Khải: Việt Nam đang nỗ lực hội nhập mạnh hơn vào kinh tế toàn cầu (06-09-2005).
- (11) Kinh tế - Điểm sáng trong quan hệ Việt-Mỹ (25-07-2005).
- (13) Cuộc gặp giữa Đại sứ M. Marine với cộng đồng người Việt tại Mỹ.
- (14) Việt Nam phản đối Hoa kỳ ngăn cản nhập khẩu các loại cá da trơn của và báo cáo năm 2002 của Ủy ban tự do tôn giáo quốc tế Hoa Kỳ. T/C "Châu Mỹ ngày nay", số 6-2002.
- (15) Tin TKNB - số 186/TKNB-QT - ngày 29-9-2005 - Đài BBC 28/9.
- (16) Quan hệ Việt - Mỹ trong năm 2005. TTXVN -TKĐB 15/1/2005.
- (17) Tuyên bố Chung giữa Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ và Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 21/6/2005.
- (18) Kinh tế - Điểm sáng trong quan hệ Việt-Mỹ (25-07-2005).
- (19) Ambassador Pete Peterson March 9 Remarks to Asia Society on Vietnam. 09 March, 2001. Washington File.
- (20) Cuộc gặp giữa Đại sứ M. Marine với cộng đồng người Việt tại Mỹ.
- (21) (23) Đô đốc Dennis C. Blair, Tổng tư lệnh Bộ tư lệnh Mỹ ở TBD gặp gỡ các nhà lãnh đạo Việt Nam - Hà Nội, ngày 2/2/2002 - Washington File 4-2-2002.
- (22) "Mỹ chuyển trọng tâm chiến lược sang châu Á - TBD" T/C "Quảng giác kính" 7/2002, Hongkong. TLTKĐB 25-7-2002.
- (24) Mark E. Manyin. The Vietnam-U.S. Normalization Process. Issue Brief For Congress. June 06, 2002.
- (25) Đài RFI tối 26/9- Tin tham khảo nội bộ số 184/TKNB-QT - ngày 27-9-2005.
- (25) Tin tham khảo nội bộ. Số 106/TKNB-QT - ngày 8/6/2005.